

PHÁT HUY THẾ MẠNH CỦA PHÁI NỮ TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

Phan Hoàng Yến

Khoa Anh - Đại học ngoại ngữ - ĐHQGHN

Một trong những chủ đề đang ngày càng được nhiều học giả ngày nay quan tâm và nghiên cứu là mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giới tính. Liệu khả năng phát triển và sử dụng ngôn ngữ giữa hai phái nam và nữ có những gì khác nhau và vì sao vậy? Chúng ta có thể khai thác những đặc điểm này như thế nào trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ?

Trong phạm vi bài này, người viết không có ý định đề cao vai trò của phái nữ quan trọng hơn phái nam trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ mà chỉ mong muốn nêu lên những đặc điểm thuận lợi của phái nữ nói chung trong hoạt động này nhằm phát huy hơn nữa thế mạnh của họ.

Những vấn đề sẽ được đề cập đến trong bài này bao gồm:

- 1) Những quan niệm từ trước tới nay về khả năng ngôn ngữ của phái nữ.
- 2) Những đặc điểm phân biệt trong ngôn ngữ của hai phái nam và nữ.
- 3) Những thuận lợi cơ bản tự nhiên trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ của phái nữ.
- 4) Những nét nổi bật về ưu thế của phái nữ trong hoạt động dạy học nói chung và dạy ngoại ngữ nói riêng.
- 5) Làm thế nào để khai thác và phát huy thế mạnh của phái nữ trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ.

1. NHỮNG QUAN NIỆM TỪ TRƯỚC TỚI NAY VỀ KHẢ NĂNG NGÔN NGỮ CỦA PHÁI NỮ

Không riêng ở châu Á mà cả ở châu Âu, theo quan niệm truyền thống, vai trò của người phụ nữ trong xã hội không được đánh giá cao

như nam giới, đặc biệt người phụ nữ xưa kia không được tham gia vào lĩnh vực học thuật vì đó là thế giới riêng giành cho nam giới. Trong xã hội cũ người ta thu hẹp phạm vi hoạt động của phụ nữ trong công việc gia đình, bếp núc, con cái và ngay cả tiếng nói của họ cũng không được coi là có ý nghĩa quan trọng trong phạm vi gia đình. Dù người phụ nữ đóng góp công sức rất lớn vào cuộc sống gia đình và xã hội, họ vẫn không được quyền mở mang trí óc, nâng cao hiểu biết của mình và đặc biệt họ hầu như không có quyền tranh luận trước công chúng hay tham gia bàn bạc ý kiến trong gia đình. Nếp suy nghĩ này đã in sâu trong tiềm thức của nhiều thế hệ xưa kia, khiến nhiều người vẫn mặc nhiên cho rằng khả năng ngôn ngữ của phái nữ kém hẳn phái nam. Nhiều quan niệm sai lầm cũ cho rằng ngôn ngữ của phụ nữ nhìn chung thường không khúc chiết, không mạch lạc, không rõ ràng và không dứt khoát do khả năng tư duy kém cỏi của họ, còn những phụ nữ nào có thể tranh luận để bảo vệ ý kiến quan điểm của mình thì lại bị coi là mất nữ tính.

Trong xã hội cũ, bản thân người phụ nữ cũng tự mình cam chịu sự áp đặt hoặc phụ thuộc do những tập tục lạc hậu và lễ giáo hà khắc. Điều đó phát triển dần thành thói quen chịu đựng lặng lẽ. Trong gia đình cũng như ngoài xã hội người ta mặc nhiên cho rằng tiếng nói của nữ giới ít có trọng lượng và không có vai trò quyết định dù phụ nữ luôn chiếm số đông hơn nam giới. Sự thiệt thòi của phụ nữ trở thành được chấp nhận là một thực tế bình thường, ít người bàn đến sự thay đổi. Magada Lewis và Roger I Simon (1989) trong bài phát biểu "A discourse not intended for her: Learning and teaching within patriarchy" (tạm dịch là: "Một diễn ngôn không dành cho phái nữ : việc dạy và học trong chế độ phụ hệ") tại Viện nghiên cứu giáo dục Ontario có nêu lên một thực tế sau: "Trong chế độ xã hội phụ hệ, mọi quyền lực đều thuộc về nam giới. Người phụ nữ chỉ biết im lặng tuân theo. Trước công chúng, không ai mong đợi người phụ nữ lên tiếng phát biểu về ý kiến quan điểm của chính họ".

Trong nhiều ngôn ngữ, chúng ta cũng dễ nhận thấy sự thiên vị giới tính về phía nam. Ví dụ: trong các câu tục ngữ, thành ngữ tiếng Anh, khi đề cập đến ngôi thứ ba số ít, ta thường thấy đại từ chỉ người giống đực được sử dụng chứ không phải giống cái: "He laughs best who laughs last". Nghĩa là:

Hoặc: "**He** who laughs last laughs longest" = "thắng lợi chớ vội cười lâu"

Một số danh từ chỉ chức vị hay nghề nghiệp ngôi thứ 3 số ít cũng thường thể hiện qua danh từ giống đực phổ biến hơn giống cái, ví dụ: *chairman* = chủ toạ, chủ tịch; *foreman* = đốc công, người giám sát; *freshman* = sinh viên năm thứ nhất.

Ngày nay, sự phát triển của nền kinh tế công nghiệp và khoa học kỹ thuật đã góp phần giải phóng người phụ nữ khỏi sự vất vả trong cuộc sống gia đình và nâng cao hơn vai trò của họ trong xã hội, đồng thời giúp họ dần dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào người đàn ông trong gia đình. Trong xã hội, phụ nữ tham gia vào nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau, họ được học tập, được phát triển tư duy trí tuệ, và điều đặc biệt quan trọng là ý kiến và tiếng nói của họ cũng được quan tâm hơn và trở nên có ý nghĩa hơn. Song song với nhu cầu đòi hỏi quyền bình đẳng trong đời sống kinh tế, trong công ăn việc làm, người phụ nữ cũng có nhu cầu bình đẳng trong đời sống tinh thần mang tính trí tuệ. Họ mong muốn được chia sẻ và đóng góp tiếng nói của mình vào sự nghiệp giáo dục và cuộc sống văn hoá trong xã hội nói chung và gia đình nói riêng. Nhiều thành tích của họ trên lĩnh vực này ngày càng chứng tỏ khả năng lớn lao của họ. Trên các diễn đàn quốc tế, người ta thấy xuất hiện sự có mặt của nhiều phụ nữ và các báo cáo của họ cũng có tiếng vang lớn. Như vậy năng lực công tác về nhiều mặt nói chung và khả năng ngôn ngữ nói riêng của họ không kém gì nam giới.

2 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM PHÂN BIỆT TRONG NGÔN NGỮ CỦA HAI PHÁI NAM VÀ NỮ

Khi nghiên cứu và quan sát lời nói của hai phái nam và nữ, các nhà ngôn ngữ xã hội học đã có những nhận xét sau:

"Nữ giới thường có xu hướng sử dụng uyển ngữ phổ biến hơn nam giới và họ thường đặt nhiều câu hỏi hơn và các câu hỏi có tính chi tiết hơn nam giới trong khi hội thoại" (Jespersen - 1991). Nữ giới cũng

thường thể hiện ngữ điệu phong phú hơn như lên giọng, xuống giọng qua cách sử dụng câu cảm thán, ví dụ: "Chiếc áo này đẹp quá!" và câu hỏi bổ sung (hay còn gọi là câu hỏi đuôi) , như " Quyển sách này hay đấy chứ, phải không? " hoặc: "Anh là kĩ sư, phải không nhỉ? " ...vv

Mọi người thường nhất trí rằng phụ nữ bộc lộ tình cảm, thái độ rõ rệt hơn nam giới trong ngôn ngữ giao tiếp. Phạm vi chủ đề hội thoại của nữ cũng rất khác với chủ đề trong hội thoại của nam. Nữ giới thường bàn đến chủ đề sinh hoạt trong cuộc sống thường ngày như gia đình, con cái, sức khoẻ, thời trang, giá cả...v.v trong khi nam giới thường nói đến nghề nghiệp, công việc, thể thao, chính trị như chính quyền, chính sách v.v.

Lakoff (1984) nêu lên ý kiến sau: "Nhìn chung, ngôn ngữ của nam giới thường mạnh mẽ và quả quyết hơn ngôn ngữ của nữ giới". Những đặc điểm khác biệt trong ngôn ngữ còn bao gồm cả việc lựa chọn từ ngữ và cách diễn đạt. Nữ giới thường cẩn thận, tỉ mỉ trong cách dùng từ và sáng tạo ra những từ mới cho dù nói về những chủ đề quen thuộc. Jespersen (1991) nhận định rằng: "Nữ giới thường dùng lối nói gián tiếp và câu ghép phổ biến hơn nam giới trong khi nam giới có xu hướng dùng lối nói trực tiếp và câu phức phổ biến hơn nữ giới". Ngoài ra chúng ta có thể nhận thấy những đặc điểm khác biệt tiêu biểu vốn có trong ngôn ngữ nói của hai phái như cao độ, âm sắc, trường độ. Ví dụ: Cao độ âm thanh trong lời nói của nữ giới thường lớn hơn và trường độ dài hơn. Chính vì vậy nếu nữ giới có giọng trầm, đục, sâu và khàn thường sẽ được nhận xét là "giọng đàn ông" và ngược lại nếu nam giới có giọng cao, thanh, sẽ được nhận xét là "giọng đàn bà". Đặc điểm khác nhau này về chất giọng có thể được giải thích dựa vào sự cấu tạo tự nhiên có nét khác nhau giữa cơ quan phát âm của hai phái nam và nữ.

Trong ngôn ngữ viết, phái nữ thường chú ý nhiều đến sự mô tả chi tiết, tập trung vào những khía cạnh cụ thể của các vấn đề nêu lên. Trong khi đó, nam giới thường bao quát phạm vi rộng lớn hơn của các chủ đề họ định bàn. Trong các chủ đề đó, nam giới thường nêu lên sự việc, con số, kết quả hơn là bình luận, nhận xét. Theo Jespersen: "nữ giới có xu hướng khống chế, kiểm soát một khối lượng từ vựng thường tập trung, thu hẹp trong các lĩnh vực họ đề cập".

Khi giải thích về những nét khác biệt trong quá trình phát triển và sử dụng ngôn ngữ của hai phái nam và nữ, nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ, văn hoá, xã hội đều cho rằng nguyên nhân chủ yếu bắt đầu từ vai trò mang tính xã hội khác nhau giữa hai phái, bên cạnh những lí do thiên hướng bẩm sinh. Đây cũng là điều dễ hiểu vì "ngôn ngữ là sản phẩm mang tính xã hội và ngôn ngữ không thể tách rời yếu tố văn hoá xã hội" (Wardhaugh - 1991). Nếu quan sát trẻ em ngay từ nhỏ chúng ta có thể nhận thấy như sau: các em gái thường chơi búp bê, thích đóng vai cô giáo, người mẹ, người chị, người bán hàng, nội trợ hay bác sĩ, bệnh nhân...v.v. Các em thường bắt chước hành vi ngôn ngữ của những người giữ vai trò nêu trên trong cuộc sống thực tế. Vốn từ và cách diễn đạt trong giao tiếp của các em cũng tập trung ở những chủ đề như đi mua sắm hàng hoá, đi chợ, đi khám bệnh, đi học.... Trong các vai kịch của các chủ đề này, các em thường thể hiện vai trò quan tâm, săn sóc của người mẹ, người chị, bác sĩ, cô giáo và ngôn ngữ thường có tính thuyết phục, hỏi han, động viên, chia sẻ giúp đỡ... Còn các em nam thường thích chơi thể thao khoẻ, tốn nhiều năng lượng như vật lộn, đánh trận giả, đá bóng, đá cầu, đuổi bắt...v.v. Ngôn ngữ trong các trò chơi đó thường rất ngắn gọn, đôi khi có tính mệnh lệnh, thách thức hoặc áp đặt. Như vậy từ các trò chơi và hoạt động thường ngày khi bé thơ đến lúc trưởng thành, hai phái nam và nữ đã dần dần phát triển những đặc điểm khác biệt trong ngôn ngữ. Những thói quen từ nhỏ khi đã định hình, lúc lớn trở nên bền vững. Chính vì vậy, tập quán ngôn ngữ gắn liền với vai trò xã hội khác biệt giữa hai phái đã tạo nên nét đặc trưng trong cách sử dụng ngôn ngữ của họ.

3) NHỮNG THUẬN LỢI TỰ NHIÊN CƠ BẢN TRONG QUÁ TRÌNH TIẾP THU NGÔN NGỮ CỦA PHÁI NỮ

"Một trong những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến quá trình tiếp thu và sản sinh ngôn ngữ là ảnh hưởng của giới tính" (Brown - 1994). Điều này đã được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ đề cập nhiều (Lakoff - 1975, Nilsenetal - 1977, Tannen - 1990, Holné - 1989, 1991). Mặc dù chưa có

những nghiên cứu nêu lên chính xác yếu tố giới tính ảnh hưởng đến mức nào trong quá trình tiếp thu và phát triển ngôn ngữ của hai phái nam, nữ nhưng " nhìn chung người ta vẫn thừa nhận rằng ngay trong quá trình tiếp thu tiếng mẹ đẻ thì nữ giới có ưu thế hơn nam giới về tốc độ ít nhất trong thời gian khởi đầu" (Freeman, & Long, 1991). Nhiều nhận xét về lợi thế của nữ giới trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ cũng được nêu lên trong các nghiên cứu khác. Ví dụ: Farhady (1982) nhận thấy rằng trong 800 sinh viên đại học tham gia bài kiểm tra phân loại khả năng ngôn ngữ thì nữ giới làm tốt hơn hẳn nam giới đặc biệt ở kỹ năng nghe hiểu. Eisenstein (1982) cũng nhận xét rằng "nữ giới có khả năng phân biệt các loại thổ ngữ, biệt ngữ tốt hơn nam giới" Tannen (1990) và các nhà nghiên cứu khác phát hiện ra rằng "nữ giới thường chú trọng vào khả năng phát triển hội thoại, duy trì sự giao tiếp với vai trò là người tham gia hội thoại có tính hợp tác và hỗ trợ. Chính vì vậy, nữ giới thường có xu hướng phát triển ngôn ngữ rất dễ dàng". Để giải thích thêm về điểm này, Gass và Varonis (1986) cho rằng: "Mặc dù nhìn chung nam giới thường khống chế, kiểm soát chủ đề hội thoại nhưng chính nữ giới thường chú ý đến quá trình tác động qua lại của người hội thoại và quan tâm đến sự tạo nghĩa trong quá trình hội thoại. Qua đó họ đón nhận được nhiều và có cơ hội phát triển vốn từ nhanh". Trong số các "diễn giả" 2 phái ở lứa tuổi học sinh phổ thông mà Brown (1991) quan sát được thì phần lớn học sinh nữ sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực hơn học sinh nam và nhiều người cũng cho rằng nữ giới thường để ý đến hiệu quả cũng như ảnh hưởng của lời nói trong giao tiếp hơn nam giới.

Nếu quan sát các trò chơi của trẻ em gái ta cũng dễ nhận thấy các em thường trò chuyện nhiều và đặc biệt rất quan tâm đến "diễn xuất" hay sự thể hiện vai trò của mình. Các em cũng thường thích nghe và đọc những chuyện cảm động về thế giới con người cũng như tự nhiên.

Khác với các em gái, các em trai thường trao đổi các thông tin một cách nhanh gọn, vắn tắt và các em cũng ít tâm sự với nhau hơn so với các em gái. Các em trai thường dễ bị lôi cuốn bởi những chuyện kiếm hiệp, phiêu lưu, thám hiểm...vv. Những lý do nêu trên một phần giải thích thiên hướng ngôn ngữ của các em gái ngay từ nhỏ

4. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA PHÁI NỮ TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NÓI CHUNG VÀ DẠY NGOẠI NGỮ NÓI RIÊNG

Có lẽ nhiều người đều nhất trí rằng hoạt động dạy học là một hoạt động phức tạp đòi hỏi nhiều kỹ năng và phẩm chất quan trọng của người dạy và người học. Về phía người dạy, không đơn giản chỉ cần một bộ óc uyên bác, những kinh nghiệm lâu năm hay các phương pháp tối ưu mà họ còn cần nhiều yếu tố đặc biệt khác. Đó là lòng yêu nghề nghiệp, sự tôn trọng học sinh, khả năng gây hứng thú cho người học trong mọi hoàn cảnh, sự thông cảm, hiểu biết hoàn cảnh của người học cũng như sự kiên trì động viên, thôi thúc người học vươn tới.

Theo quan điểm của các nhà giáo dục tiến bộ thì người dạy phải biết khơi dậy những mặt mạnh, mặt tốt trong mỗi người học. Vai trò của người dạy không phải chỉ là truyền thụ kiến thức, họ không thể coi người học là "những thùng rỗng để người dạy đổ kiến thức vào đây là được". Bản chất của quá trình dạy học là quá trình tác động hai chiều trong đó cả người dạy và người học phải thực sự là những người cùng hợp tác, cùng trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau. Quan điểm lấy người học làm trung tâm càng đòi hỏi người dạy phải nắm bắt được nhu cầu, nguyện vọng của người học, khơi dậy tính tích cực chủ động, sáng tạo của họ và giúp họ vận dụng những gì tiếp thu được vào thực tế cuộc sống sinh động thông qua các bài giảng đầy ý nghĩa gắn liền với vốn sống, vốn hiểu biết của học sinh. Qua đó người dạy mới thực sự lỏi cuốn được người học.

Xét về nhiều khía cạnh, hoạt động dạy học rất phù hợp với khả năng của phụ nữ nói chung do khả năng nhạy cảm cao, tính kiên trì chịu khó của phái nữ. Thông thường trong các lớp học do giáo viên nữ chủ nhiệm, những vấn đề tiêu cực nếu có của học sinh thường sớm được phát hiện và xử lý khéo léo. Học sinh thường cảm thấy dễ bộc bạch tâm sự với cô giáo về những khúc mắc của mình nếu họ cảm nhận được các cô giáo là những người thực sự có tâm huyết với nghề dạy học. Thái độ ân cần, quan tâm như của người mẹ, người chị dễ làm học sinh cảm thấy gần gũi để họ trình bày những ý kiến, quan điểm của mình. Như trên đã nêu, một giờ dạy học thành công là trong giờ dạy đó giáo viên và học sinh đều cảm thấy thoải mái không những vì trò hiểu bài mà còn hiểu

được thầy cô và không khí giờ học cởi mở, vui vẻ, trong đó trò được tự do phát biểu tham gia ý kiến xây dựng bài.

Ngoài những nét đặc thù chung của hoạt động dạy học, hoạt động dạy ngoại ngữ còn có những nét đặc thù riêng. Để giúp người học phát triển khả năng tiếp thu và phát triển khả năng giao tiếp ngoại ngữ, người dạy cần giúp người học tránh mọi nỗi lo lắng, mặc cảm nếu có, do tính nhút nhát e dè, sợ sai, sợ mắc lỗi, sợ phát biểu trước đám đông v.v. Nói cách khác, giáo viên cần giúp học sinh xây dựng niềm tin vào khả năng của mình ngay từ lúc bắt đầu học ngoại ngữ vì niềm tin chính là nền tảng quan trọng giúp người học vượt qua mọi khó khăn, bất lợi trong quá trình học.

Xét về điểm này, phụ nữ có thuận lợi lớn do họ vốn có tính kiên trì, dẻo dai và rất nhạy cảm trong giao tiếp. Ưu thế này giúp họ dễ nhận ra lý do của một số học sinh yếu kém và động viên học sinh khắc phục, vươn lên.

Một nét đặc thù khác là khả năng tạo tình huống trong giao tiếp và gây hứng thú cho người học, giúp họ gắn liền hoạt động học trên lớp với hoạt động giao tiếp ngoài giờ học. Điều này đòi hỏi tính tích cực, sáng tạo và khả năng hiện thực hoá bài giảng của người dạy. Do trong cuộc sống thực tế, phụ nữ thường hay trò chuyện, tâm sự nên trong các bài học về giao tiếp ngoại ngữ, họ dễ hoà mình nhập vai và cuốn hút học sinh tham gia vào hoạt động này.

Một chi tiết cần nêu lên là: Việc sử dụng giáo cụ trực quan như: sơ đồ, trò chơi, tranh ảnh.....vv cũng là một biện pháp được giáo viên ngoại ngữ áp dụng thường xuyên để khuyến khích người học phát triển vốn từ và khả năng tư duy thông qua trực quan sinh động. Thông thường, việc sưu tầm và chuẩn bị cho các trò chơi ngoại ngữ đòi hỏi nhiều công sức và sự chọn lọc cẩn thận, tỉ mỉ sao cho phù hợp với nội dung, mục đích bài và vốn kiến thức, hiểu biết của học sinh. Nhìn chung với tư chất cần cù, chịu khó và lòng say mê nghề nghiệp, phụ nữ có thể làm công việc này rất thích hợp.

Trên đây là một số nét nổi bật thuận lợi cho nữ giới trong hoạt động dạy học nói chung và dạy ngoại ngữ nói riêng. Chúng ta cũng cần xét xem phụ nữ cần phải làm gì để phát huy hết khả năng tiềm tàng của mình trong hoạt động này.

5. LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÁT HUY THỂ MẠNH CỦA PHÁI NỮ TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

Trong thời đại ngày nay, phần lớn phụ nữ không còn thể hiện tính thụ động, phụ thuộc như trong quan niệm về phụ nữ thời xưa nhờ có nhiều biến đổi tích cực, lớn lao trong đời sống kinh tế xã hội. Tính năng động, sáng tạo và lòng tự tin là nét đặc trưng tiêu biểu của phụ nữ trí thức hiện đại. Đây cũng là những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công trong công việc và cuộc sống của họ.

Như đã phân tích ở các phần trên, trong hoạt động dạy ngoại ngữ có nhiều nét đặc thù đòi hỏi người dạy không những cần phải thể hiện kĩ thuật giảng dạy cao mà còn cần có khả năng lôi cuốn, thuyết phục người học thông qua các hoạt động giao tiếp ngoại ngữ gắn liền với thực tiễn sinh động bên ngoài. Để làm được điều này chị em phụ nữ không đơn giản chỉ dựa vào kinh nghiệm lâu đời đã có mà còn tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức và cập nhật thông tin thường ngày.

Chúng ta biết rằng ngôn ngữ của loài người chỉ có thể phát triển được thông qua hoạt động giao tiếp, chính vì vậy mà mọi thao tác giảng dạy ngoại ngữ nếu tách rời hoạt động giao tiếp đều trở nên vô nghĩa. Vì thế giáo viên cần tránh bắt học sinh làm những bài tập cấu trúc máy móc không phục vụ cho nhu cầu giao tiếp. Thay vào đó giáo viên cần gia công, "chế biến" nội dung bài dạy sao cho gắn với thực tế giao tiếp bên ngoài. Nếu bản thân người dạy không tích cực vận động, đa dạng hoá các thao tác và dạng bài trên lớp thì họ dễ rơi vào tình trạng nhàm chán, đi theo một lối mòn cũ lặp đi lặp lại và học sinh cũng cảm thấy mất hứng thú học tập. Đây là tình huống nhiều chị em giáo viên gặp phải do họ quá bận bịu vào cuộc sống gia đình, con cái nên không còn đủ thời gian để đổi mới cách giảng dạy và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Có thể nói rằng, cho dù cuộc sống mới đã giải phóng chị em khỏi nhiều vất vả trong lao động hàng ngày nhưng thiên chức làm vợ, làm mẹ vẫn lấy đi phần lớn thời gian, công sức của họ. Vì vậy nếu bản thân chị em không có ý chí, nghị lực vươn lên và biết hợp lý hoá công việc giảng dạy với công việc gia đình thì họ dễ bị thua kém các đồng nghiệp nam giới. Điều này đôi khi vẫn bị hiểu lầm là do chị em không có bộ óc thông minh như nam giới. Tuy nhiên để giúp chị em phụ nữ vươn lên trong sự nghiệp còn cần phải có sự đổi mới về suy nghĩ và quan niệm

tiến bộ về vai trò của phụ nữ trong xã hội và gia đình . Bản thân người phụ nữ không thể yên tâm phấn đấu nếu họ không có sự ủng hộ của chồng con trong gia đình và sự cổ vũ của các bạn đồng nghiệp nói riêng cũng như của xã hội nói chung.

Cho dù sự chuyển biến về tập quán suy nghĩ trong xã hội còn chậm; chị em phụ nữ cần có niềm tin vào bản thân mình, luôn hướng về phía trước, chủ động phấn đấu, khẳng định quyết tâm vươn lên trong mọi hoàn cảnh. Điều quan trọng là chị em cần cố gắng kết hợp hài hoà giữa công việc chăm lo đời sống gia đình với việc rèn luyện chuyên môn của bản thân. Đây thực sự là một khó khăn lớn nhưng với truyền thống không sợ gian khổ và ý thức đổi mới, sáng tạo, năng động, chị em phụ nữ hoàn toàn có thể đạt được mục đích của mình.

Trên đây, chúng ta vừa xem xét một vài khía cạnh có liên quan đến hoạt động dạy ngoại ngữ của phái nữ. Có thể nhiều công trình nghiên cứu bổ sung về đề tài này sẽ góp phần khẳng định rõ rệt hơn về khả năng ngôn ngữ và sự phạm tiềm tàng của phái nữ. Hy vọng rằng, với sự tham gia ý kiến của nhiều tác giả khác, bài viết sẽ mang tính thuyết phục lớn hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Berryman, C.L & Eman, V.A (1978):** "*Communication, Language and Sex*" Newbury House Publishers, Inc.
2. **Brown, H. D (1994):** "*Principles of Language Learning and Teaching*" Prentice Hall Regents; Engle wood Cliffs, NJ 0632
3. **Frank, F. W (1991):** "*Women's language in America: Myth and reality.* State University of NewYork at Albany
4. **Freeman, D. L & Long, M. H (1991) :** "*An introduction to Second Language Acquisition Research*" Longman" London and NewYork
5. **Jespersen, O (1992)** London: Allen and Unwin
6. **Lakoff, R (1975):** "*Language and Woman's place.* NewYork: Harper and Row
7. **Lewis, M & Simon, R (1989):** "*A discourse not intended for Her: Learning and Teaching within Patriarchy.* The Ontario Institute for the study of Education